



Ngân hàng Phát triển Châu Á Việt Nam

THÔNG TIN TÓM TẮT

Bảng 1. Việt Nam: Các chỉ số phát triển

Các chỉ số không thuộc Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ	
Dân số (triệu người)	86,93 (2010)
Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%)	1,1 (2008–2010)
Tỷ lệ biết chữ (%)	92,5 (2008)
Tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị	28,3 (2009)
Các chỉ số thuộc Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ	
Tỷ lệ dân số sống dưới mức 1,25 \$/ngày	13,1 (2008)
Tỷ lệ dân số sống dưới mức chuẩn nghèo quốc gia	13,4 (2008)
Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ em ra đời	24,0 (2009)
Tỷ lệ dân số sử dụng nguồn nước uống đã qua xử lý	94,0 (2008)

MDG= Millennium Development Goal.

Nguồn: ADB. 2011. *Basic Statistics 2011*. Manila; UNESCO. 2011. Institute for Statistics Data Centre; Ngân hàng Thế giới. 2011. Dữ liệu trực tuyến về các Chỉ số Phát triển của Thế giới.

Bảng 2. Việt Nam: Các chỉ số kinh tế, 2006–2010

Chỉ số kinh tế	2006	2007	2008	2009	2010
GNI tính trên đầu người, Theo phương pháp Atlas (\$)	690	780	910	1.000	...
Tăng trưởng GDP (% thay đổi hàng năm)	8,2	8,5	6,3	5,3	6,8
CPI (% thay đổi hàng năm)	7,5	8,3	23,0	6,9	9,2
Tỷ lệ thất nghiệp (%) ^a	4,8	4,6	4,7	4,6	4,4
Cân đối ngân sách (% của GDP)	(1,2)	(4,6)	(3,1)	(10,6)	(8,0)
Tăng trưởng xuất khẩu (% thay đổi hàng năm)	22,7	21,9	29,1	(8,9)	26,4
Tăng trưởng nhập khẩu (% thay đổi hàng năm)	22,1	38,5	27,9	(13,3)	21,2
Cân cân tài khoản vãng lai (% of GDP)	(0,3)	(10,0)	(11,8)	(6,2)	(4,0)
Nợ nước ngoài (% của GNI)	27,1	29,7	29,4	34,2	...

() = số âm, ... = chưa có số liệu, CPI = chỉ số giá tiêu dùng, GDP = tổng sản phẩm quốc nội, GNI = tổng thu nhập quốc gia.

^a Tỷ lệ ở khu vực thành thị.

Nguồn: ADB. 2011. Tài liệu *Asian Development Outlook 2011*. Manila; Ước tính của cán bộ ADB; Ngân hàng Thế giới. 2011. Dữ liệu trực tuyến về các Chỉ số Phát triển của Thế giới.

Việt Nam là một thành viên sáng lập của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) khi ADB được thành lập vào năm 1966. Sau khi đất nước thống nhất và sau một thời gian gián đoạn, các hoạt động của ADB tại Việt Nam được khôi phục vào năm 1993. ADB đã cung cấp cho Việt Nam 114 khoản vay chính phủ trị giá 9,09 tỷ \$, một khoản bảo lãnh chính phủ trị giá 325 triệu \$, 255 dự án hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại trị giá 199,5 triệu \$, và 26 khoản viện trợ khác trị giá 150,1 triệu \$. ADB cũng đã phê chuẩn 8 khoản vay trái phiếu, hai khoản bảo lãnh rủi ro chính trị và một khoản vay loại B trị giá 280 triệu \$.

Trong vòng 20 năm qua, Việt Nam đã là một trong số những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở khu vực Châu Á với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt mức trung bình 7,1% trong giai đoạn từ 1990 đến 2009. Gần đây, Việt Nam đã trở thành một quốc gia có mức thu nhập trung bình. Có tốc độ tăng trưởng cao trong một thời gian dài cùng với nhiều chính sách hướng đến người nghèo đã giúp Việt Nam giảm nghèo một cách ngoạn mục.

Ngày nay, Việt Nam tham gia vào nhiều dự án đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật khu vực Tiểu vùng Mê-kông Mở rộng (GMS) và là một trong những nước nhận được nhiều nguồn vốn vay ưu đãi nhất từ Quỹ Phát triển Châu Á (ADF) của ADB. Việt Nam cũng là một đối tác vay vốn quan trọng từ các nguồn vốn vay thông thường (OCR).

Tác động của hỗ trợ

Khi các hoạt động được nối lại vào năm 1993, ADB tập trung vào việc khôi phục cơ sở hạ tầng và hỗ trợ cải cách kinh tế. Kể từ năm 2002, ADB hỗ trợ các nỗ lực của Chính phủ nhằm giảm nghèo, tập trung vào tăng trưởng bền vững, phát triển xã hội toàn diện, điều hành tốt và về mặt địa lý thì đặt trọng tâm vào khu vực miền Trung. Chương trình và Chiến lược quốc gia (CSP) giai đoạn 2007–2010 của ADB đã được xây dựng hoàn toàn thống nhất với Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2006–2010 của Chính phủ và hướng đến mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng vì người nghèo dựa trên sự phát triển của doanh nghiệp, cũng như hỗ trợ sự tham gia toàn diện của các thành phần trong xã hội, sự bền vững về môi trường, quản trị điều hành tốt và hợp tác khu vực. Căn cứ trên thực tế rằng trở ngại lớn nhất đối với tăng trưởng vì người nghèo dựa trên sự phát triển của doanh nghiệp nằm ở vấn đề cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ, việc sử dụng vốn vay thông thường (OCR) được xem là nguồn chính trong giai đoạn này và ADB đã trở thành một trong những đối tác phát triển lớn nhất tại Việt Nam.

Báo cáo đánh giá chương trình hỗ trợ quốc gia đối với Việt Nam được công bố năm 2009 sau khi xem xét đánh giá các chiến lược và kết quả hoạt động của các dự án và chương trình đã kết luận rằng kết quả hoạt động chung của các chương trình và chiến lược hỗ trợ quốc gia của ADB tại Việt Nam trong giai đoạn 1999–2008 là “thành công”. Về tổng thể, ADB được Chính phủ xem như một đối tác phát triển tích cực và hỗ trợ của ADB nhìn chung nhận được sự hài lòng. Mặc dù hỗ trợ của ADB chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng chi phí đầu tư cơ bản của Chính phủ, trong những năm qua ADB được xem là một đối tác phát triển tin cậy đã đóng góp đáng kể trong việc cung cấp các khoản vốn ưu đãi cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước thông qua việc tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực, đảm bảo các quy trình và thủ tục để Việt Nam tiến bước trên con đường chuyển đổi. ADB đã đóng góp cho tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của Việt Nam và cải thiện mức sống của người dân thông qua việc cung cấp hỗ trợ cho sự phát triển xã hội toàn diện, cho các nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững và có thể tái tạo, cho quản lý bảo vệ môi trường.

Asian Development Bank

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, vai trò hỗ trợ quan trọng của ADB được xác nhận bởi sự chuyển đổi kinh tế của đất nước và tốc độ tăng mạnh của đầu tư trong nước và nước ngoài vào khu vực sản xuất. Cụ thể, việc khôi phục Quốc lộ 1, cả ở khu vực miền Bắc và miền Nam, đã hỗ trợ đáng kể vào sự phát triển của các trung tâm công nghiệp của Việt Nam, trong khi Hành lang Kinh tế Đông-Tây của Tiểu vùng Mê-kông Mở rộng (GMS) và tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Phnom Penh đã cải thiện mối liên kết giữa Việt Nam và các nền kinh tế GMS khác. Việc nâng cấp mạng lưới giao thông đã tạo ra công ăn việc làm ở các tỉnh biên giới và giảm đáng kể đói nghèo. ADB cũng đang hỗ trợ giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn cung năng lượng-một trở ngại to lớn đối để duy trì tăng trưởng kinh tế-thông qua việc đầu tư vào các nhà máy thủy điện, nhiệt điện và hệ thống truyền tải điện. Các dự án khác trong lĩnh vực năng lượng bao gồm năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ) và khí đốt sinh học. ADB cũng hỗ trợ phát triển đô thị và hoạt động cấp nước.

Hỗ trợ của ADB đối với phát triển nông thôn và thủy lợi đã giúp tăng năng suất nông nghiệp và thu nhập của người nông dân thông qua việc cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và các đầu vào, phát triển các loại cây trồng có giá trị cao, đa dạng hóa giống cây trồng và cải tiến thói quen quản lý nguồn nước. Kể từ thập niên 90, hỗ trợ của ADB cũng có những tác động xã hội; trong lĩnh vực y tế, kiểm soát dịch bệnh lây lan qua biên giới, giáo dục trung học và giáo dục nghề. ADB đã giúp Chính phủ nâng cao năng lực của đội ngũ công chức nhà nước thông qua đào tạo và hiện đại hóa nền hành chính công, hỗ trợ cuộc đấu tranh của Chính phủ chống lại nạn tham nhũng và những nỗ lực cải thiện bình đẳng giới. ADB đang giúp đỡ để thay đổi khuôn khổ cơ bản của dịch vụ hành chính công từ “kiểm soát trên cơ sở đầu vào” sang “quản lý trên cơ sở đầu ra và/hoặc kết quả”.

Hỗ trợ của ADB đối với sự phát triển của khu vực tư nhân thông qua hoạt động cho vay dựa trên chính sách trong cải cách lĩnh vực tài chính và cải thiện môi trường kinh doanh đã giúp đỡ những nỗ lực cải cách của chính phủ và đem lại sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng và số vốn đăng ký của các doanh nghiệp tư nhân. Thông qua các hoạt động trái quyền, ADB đã hỗ trợ các dự án y tế, giáo dục, năng lượng và công nghiệp cũng như sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa và tài chính nhà ở. Mười ngân hàng đã tham gia vào Chương trình Tài chính Thương mại của ADB.

Đồng tài trợ và mua sắm

Các hoạt động đồng tài trợ đã giúp các đối tác tài chính của ADB-bao gồm chính phủ hoặc các cơ quan chính phủ, các tổ chức tài chính đa phương và các tổ chức thương mại-có thể tham gia tài trợ cho các dự án của ADB. Nguồn vốn bổ sung này được cung cấp dưới hình thức viện trợ không hoàn lại, cho vay chính thức hoặc cho vay thương mại và tài trợ hợp vốn.

Cho đến cuối năm 2010, tổng lũy kế giá trị gia tăng trực tiếp của các khoản đồng tài trợ cho Việt Nam là 995,1 triệu \$ cho 19 dự án đầu tư và 54,3 triệu \$ cho 73 dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Trong năm 2010, Dự án Hành lang Ven biển phía Nam của Tiểu vùng Mê-kông mở rộng đã được cung cấp 70 triệu \$ vốn vay đồng tài trợ từ Ngân hàng Xuất-Nhập khẩu Hàn Quốc theo thỏa thuận khung về đồng tài trợ của ngân hàng này với ADB; Dự án Phát triển Nguồn Nhân lực Y tế được cung cấp 11,0 triệu \$ viện trợ không hoàn lại do Úc đồng tài trợ; Chương trình Đầu tư Đường sắt Đô thị thành phố Hồ Chí Minh tuyến số 2, Dự án 1 được cung cấp 36,4 triệu \$ vốn vay đồng tài trợ từ ngân hàng phát triển Đức KfW, Dự án Tăng cường Quản lý Thủy lợi và Cải tạo các Hệ thống Thủy nông được cung cấp 28 triệu \$ vốn vay đồng tài trợ từ Tổ chức Phát triển Pháp (AFD) của Pháp.

Bản tóm tắt các dự án đồng tài trợ kể từ 1 tháng 1 năm 2006 đến 31 tháng 12 năm 2010 có tại địa chỉ www.adb.org/Documents/Fact_Sheets/VietNam/cofinancing.asp

Bản tóm tắt các hợp đồng mua sắm dành cho các công ty và tư vấn Việt Nam đối với hàng hóa, công việc và dịch vụ tư vấn có thể tìm thấy tại địa chỉ www.adb.org/Documents/procurement.asp

Bảng 3. Việt Nam: Các Khoản cho vay, Hỗ trợ Kỹ thuật và Viện trợ Không hoàn lại được phê duyệt trong năm 2010 (triệu \$)

Cho vay		Hỗ trợ Kỹ thuật	Viện trợ không hoàn lại	Tổng cộng
Chính phủ	Trái quyền			
1.090,00	–	11,08	11,00	1.112,08
– = không có số liệu.				
Cho vay lũy kế (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)			9.285,0 triệu \$	
Giải ngân lũy kế (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)			4.158,7 triệu \$	

Bảng 4. Việt Nam: Tổng số các khoản cho vay lũy kế của ADB tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Lĩnh vực	Số lượng khoản vay	Tổng trị giá (triệu \$)	% ^a
Nông nghiệp và Tài nguyên Thiên nhiên	26	1.311,66	14,13
Giáo dục	12	460,50	4,96
Năng lượng	11	2.033,99	21,91
Tài chính	10	502,00	5,41
Y tế và An sinh Xã hội	8	268,20	2,89
Công nghiệp và Thương mại	5	128,50	1,38
Quản lý Nhà nước	10	946,40	10,19
Giao thông và ICT	21	2.843,90	30,63
Cấp nước, các Dịch vụ và Hạ tầng Đô thị khác	13	579,82	6,24
Đa ngành	6	210,00	2,26
Tổng cộng	122	9.284,97	100,00

ICT = Công nghệ thông tin và truyền thông.

^a Tổng số có thể không tròn 100% do làm tròn số.

Bảng 5. Việt Nam: Tỷ lệ các dự án thành công

Lĩnh vực	Tỷ lệ (%) ^a	Số lượng các dự án/Chương trình được đánh giá
Nông nghiệp và Tài nguyên Thiên nhiên	63,64	11
Giáo dục	100,00	3
Năng lượng	66,67	3
Tài chính	100,00	4
Y tế và An sinh Xã hội	100,00	1
Công nghiệp và Thương mại	hương mại	2
Quản lý Nhà nước	100,00	3
Giao thông và ICT	100,00	7
Cấp nước, các Dịch vụ và Hạ tầng Đô thị khác	60,00	5
Đa ngành	100,00	3
Tổng cộng	83,33	42
Theo năm phê duyệt		
1970-1979	–	5
1990-1999	92,00	25
2000-2009	100,00	12

– = không có số liệu, ICT = công nghệ thông tin và truyền thông.

^a Dựa trên tổng hợp kết quả các báo cáo kết thúc dự án/chương trình (PCR), các báo cáo xác nhận PCR (PCRVR), và các báo cáo đánh giá dự án/chương trình (PPER) sử dụng các kết quả xếp hạng của PCRVR hoặc PPER trong tất cả các trường hợp có báo cáo PCR và kết quả xếp hạng PCRVR/PPER.

Nguồn: Các báo cáo PCR, PCRVR, và PPER có kết quả xếp hạng được công bố tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Bảng 6. Việt Nam: Chỉ số Chất lượng Thực hiện các Danh mục đầu tư của các khoản vay chính phủ giai đoạn 2009–2010

Số lượng các khoản vay đang thực hiện (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)			55
	2009 (triệu \$)	2010 (triệu \$)	
Các cam kết/Hợp đồng được trao	1.782,0	610,2	
Giải ngân	1.093,4	406,7	
Tỷ lệ các khoản vay có rủi ro (%)	2,3	7,3	

Ghi chú: Tổng số có thể không tròn 100% do làm tròn số.

Quan hệ đối tác

Là một phần trong hoạt động thông thường của mình, ADB duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các đối tác phát triển của Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả và tác động của các chương trình cho vay và viện trợ của ADB. ADB cũng phối hợp thường xuyên với các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân tại Việt Nam nhằm huy động cả nguồn lực tài chính cũng như kiến thức chuyên môn từ các đối tác khác. ADB đang đồng tài trợ cho chương trình tín dụng hỗ trợ giảm nghèo và các cải cách chính sách có liên quan. Đây là một chương trình do Ngân hàng Thế giới chủ trì với sự hỗ trợ của nhiều đối tác khác. Khi chuẩn bị cho CSP giai đoạn 2007–2010 và khi thực hiện rà soát giữa kỳ, ADB đã phối hợp với các đối tác phát triển nhằm xây dựng chiến lược thống nhất với SEDP 2006–2010 của Việt Nam và nhằm thiết lập một hệ thống các chỉ số chung ở cấp quốc gia phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá. ADB cũng phối hợp chặt chẽ với các đối tác phát triển khác để giúp Chính phủ chuẩn bị Chương trình Mục tiêu Quốc gia (NTP) về Nước; chuẩn bị và triển khai kế hoạch hành động theo Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Biển đối Khí hậu. ADB cũng giữ vai trò đi đầu trong Nhóm Đối tác Y tế với tư cách là nhà tài trợ lớn nhất trong lĩnh vực này và là một thành viên tích cực của Diễn đàn Hiệu quả Viện trợ và “Sáng kiến Sáu Ngân hàng” bao gồm sáu tổ chức tài chính quốc tế – AFD, KfW, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc và Ngân hàng Thế giới.

Những thách thức trong hoạt động

Chậm trễ trong tiến độ thực hiện dự án là một vấn đề khó giải quyết đối với các dự án tại Việt Nam. Sự chậm trễ này có nhiều nguyên nhân, trong đó có sự ngăn ngại thực hiện các hành động thúc đẩy, chậm trễ trong việc thuê tư vấn, khó khăn trong việc thu hồi đất và tái định cư, quy trình ra quyết định phức tạp và kéo dài, các đơn vị quản lý dự án có năng lực yếu và các vấn đề trong mua sắm và quản lý hợp đồng.

Để cải thiện tình hình, ADB và Chính phủ đã phối hợp trong việc rà soát và hài hòa các quy trình xử lý những khoản hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại và các khoản vay nhằm đảm bảo các hoạt động tư vấn và ra quyết định đúng cách sẽ được thực hiện một cách thống nhất để đẩy nhanh tiến trình phê duyệt. Các hướng dẫn về quy trình và quản lý tài chính đã được xây dựng để làm tài liệu tham khảo trong quá trình thực hiện dự án. Với việc ADB áp dụng quy trình hoạt động được hợp lý hóa vào năm 2010, những nỗ lực nhằm cải thiện và điều hòa hơn nữa các quy trình hoạt động đang được thực hiện. Năng lực quản lý thực hiện dự án của ADB đã được củng cố với việc gửi nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn sang cơ quan đại diện thường trú của ADB tại Việt Nam, cũng như việc thành lập các bộ phận mua sắm và giải ngân tại cơ quan này.

Các nỗ lực phối hợp đang được thực hiện thông qua Sáng kiến Sáu Ngân hàng nhằm cải thiện kết quả chung của các dự án từ sáu ngân hàng. Dựa trên Báo cáo Rà soát Thực hiện các Dự án Chung lần thứ sáu được thực hiện vào năm 2009 giữa sáu ngân hàng với Tổ Công tác Liên Bộ của Chính phủ về Quản lý nguồn Hỗ trợ Phát triển Chính thức, Kế hoạch Hành động Chung lần thứ hai hiện đang được thực hiện theo các nguyên tắc của Tuyên bố Paris về Hiệu quả Viện trợ. Các hoạt động cụ thể bao gồm thúc đẩy các hành động tiến bộ, hài hòa các thủ tục mua sắm, bảo vệ môi trường và xã hội, v.v...

Định hướng tương lai

Việc rà soát CSP giữa kỳ giai đoạn 2007–2010 của ADB đã được thực hiện vào năm 2009. Nghiên cứu rà soát đã kết luận rằng mặc dù những biện pháp chính của CSP vẫn còn nguyên giá trị, cần phải cải thiện việc thực hiện các hỗ trợ đang được triển khai và kết hợp hoạt động của ADB với những vấn đề mới nổi mà Việt Nam đang phải đối mặt, cụ thể là giảm nhẹ tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong năm 2008 và 2009. Với việc Việt Nam nằm trong số những nước dễ bị tổn thương nhất bởi các tác động của biến đổi khí hậu, ADB đang cùng với những đối tác phát triển khác hỗ trợ việc thực hiện chương trình quốc gia

Bảng 7. Việt Nam: Các dự án đồng tài trợ, từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến 31 tháng 12 năm 2010

Đồng tài trợ	Số dự án	Tổng giá trị (triệu \$)
Các dự án*	10	832,07
Viện trợ không hoàn lại	5	47,80
Các khoản vay chính thức	8	784,27
Viện trợ hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại	24	29,26

* Một dự án nhận được nhiều hơn một nguồn đồng tài trợ được tính một lần.

Bảng 8. Việt Nam: Tỷ lệ các hợp đồng mua sắm

Danh mục	2009		2010		Lũy kế (31 tháng 12 năm 2010)	
	Tổng giá trị (triệu \$)	% trong tổng số	Tổng giá trị (triệu \$)	% trong tổng số	Tổng giá trị (triệu \$)	% trong tổng số
Hàng hóa và xây dựng	528,01	5,12	181,83	2,80	2.142,52	2,19
Dịch vụ tư vấn	7,28	1,68	20,39	4,91	64,03	0,82

Bảng 9. Việt Nam: Các nhà thầu/Nhà cung cấp Liên quan đến các Dự án cho vay của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nhà thầu/Nhà cung cấp	Lĩnh vực	Giá trị hợp đồng (triệu \$)
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cấp nước, các Dịch vụ và Hạ tầng Đô thị khác /Giao thông và ICT	87,92
Công ty TNHH Cấp LS Vina	Năng lượng	40,73
Công ty CP Xây lắp điện 1	Năng lượng	39,19
Công ty Liên doanh Purnyang - Sungjee	Giao thông và ICT	34,37
Công ty TNHH chế tạo cột thép Đồng Anh - Hyundai	Năng lượng	27,23
Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Điện 4	Năng lượng	26,23
Công ty CP Xây dựng số 5	Cấp nước, các Dịch vụ và Hạ tầng Đô thị khác / Y tế và An sinh Xã hội/ Nông nghiệp và Tài nguyên Thiên nhiên	18,31
Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	Năng lượng	17,34
Tổng công ty Xây dựng Phát triển Cơ sở hạ tầng - LICOGI	Năng lượng	15,43
Công ty Xây dựng số 47	Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên	13,90

ICT = Công nghệ thông tin và truyền thông.

Bảng 10. Việt Nam: Các Đơn vị Tư vấn Đứng đầu (Tư vấn Cá nhân và Công ty Tư vấn) trong các Dự án cho vay của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tư vấn	Số lần Ký kết Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (triệu \$)
Công ty TNHH Tư vấn Quốc tế VICA	9	2,57
Công ty TNHH SMEC International /SMEC holding Ltd.	2	1,08
Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 2	2	1,06
Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 1	3	0,64
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long	4	0,63
Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam	1	0,44
Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	2	0,43
Trung tâm Nghiên cứu Môi trường	3	0,42
Tư vấn Tài chính Kiểm toán và Kế toán	12	0,39
Công ty CP Tư vấn và Thiết kế Hạ tầng	6	0,37
Tư vấn Cá nhân	35	0,30

của chính phủ và các hỗ trợ liên quan đến biến đổi khí hậu sẽ là những hoạt động hỗ trợ chính.

Với việc đã vươn lên thành một nền kinh tế có mức thu nhập trung bình, Việt Nam đang chuẩn bị SEDP mới cho giai đoạn 2011–2015 và song song với đó, ADB cũng đang chuẩn bị một chiến lược đối tác quốc gia mới (CPS) cho giai đoạn này. Nhận thấy sự chuyển mình nhanh chóng của Việt Nam, các nỗ lực đang được thực hiện để giúp ADB có thể hỗ trợ Việt Nam đạt được sự phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững, giải quyết vấn đề “bẫy thu nhập trung bình”. Với việc công nhận rằng các ưu tiên chính sách trước mắt của Chính phủ là phục hồi ổn định kinh tế vĩ mô, ADB đang tích cực tham gia vào các đối thoại chính sách về quản lý kinh tế vĩ mô, đồng thời hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ cải thiện việc quản lý doanh nghiệp và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Để tạo thuận lợi cho việc phát triển nhanh chóng cơ sở hạ tầng, ADB đang hỗ trợ Chính phủ phát triển một kế hoạch thí điểm để thúc đẩy các quan hệ đối tác nhà nước–tư nhân. Việt Nam cần chú trọng hơn đến việc nâng cao hiệu quả của nền kinh tế để có thể trở thành một phần không thể thiếu trong chuỗi giá trị của khu vực và toàn cầu. Những cân nhắc này sẽ tạo thành cơ sở của CPS tiếp theo cho Việt Nam trong giai đoạn 2011–2015 và chiến lược này sẽ hoàn toàn thống nhất với SEDP mới của Chính phủ trong cùng thời kỳ, cũng như với khuôn khổ chiến lược dài hạn của ADB, Chiến lược 2020.

Liên quan đến vấn đề nguồn lực, Việt Nam là một trong những đối tác nhận được nguồn hỗ trợ lớn nhất từ Quỹ ADF, với khoản phân bổ dự kiến khoảng 736 triệu \$ cho giai đoạn 2011–2012. OCR cũng đang tích cực được sử dụng trong các dự án có tỷ suất thu hồi vốn cao hơn, chẳng hạn như các dự án cơ sở hạ tầng, với mức phân bổ khoảng 1 tỷ \$ trong năm 2011. Tuy nhiên, nhu cầu OCR vẫn còn lớn hơn nhiều so với mức phân bổ đó và dự kiến sẽ còn tiếp tục ở mức cao trong trung hạn. ADB sẽ tăng cường những nỗ lực để huy động được nguồn vốn lớn hơn, bao gồm hoạt động đồng tài trợ và sử dụng nghiệp vụ bảo lãnh hoặc các công cụ khác.

Bảng 11. Việt Nam: Các Đơn vị Tư vấn Đứng đầu (Tư vấn Cá nhân và Công ty Tư vấn) trong các Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tư vấn	Số lần ký kết hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu \$)
Công ty TNHH Tư vấn quốc tế VICA	3	0,95
Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế (CECI)	1	0,83
Công ty Ernst & Young (Thành phố Hồ Chí Minh)	1	0,61
Công ty Pricewaterhousecoopers Việt Nam	1	0,24
Công ty Ernst & Young Việt Nam (Hà Nội)	1	0,15
Viện Quản lý Kinh tế Trung ương	1	0,12
Công ty Towers Watson Việt Nam	1	0,10
Quỹ Phòng chống Thương vong Châu Á	1	0,10
Viện Khoa học Năng lượng	1	0,07
Quỹ Vi Con người Châu Á Thái Bình Dương của Úc	1	0,06
Tư vấn Cá nhân	259	3,58

Bảng 12. Hỗ trợ của ADB cho các Nước Thành viên Đang phát triển giai đoạn 2009–2010^a

	2009 (triệu \$)	2010 (triệu \$)	Tỷ lệ thay đổi (%)
Cho vay	13.215,89	11.462,27	(13,27)
ADF, Chính phủ		2.212,57	0,10
OCR, Chính phủ	10.567,71	8.196,96	(22,43)
OCR, Trái quyền		1.052,73	140,42
Khu vực Nhà nước	134,30		
Khu vực Tư nhân	303,57	1.052,73	246,78
Đầu tư Góp vốn	220,00	243,00	10,45
Viện trợ không hoàn lại ^b	1.113,52	1.052,86	(5,44)
Hỗ trợ Kỹ thuật	267,00	326,54	22,30

() = âm, ADF = Quỹ Phát triển Châu Á, OCR = Nguồn vốn thông thường.

^a Loại trừ các khoản vay đảo hạn, đầu tư góp vốn, hỗ trợ kỹ thuật và viện trợ không hoàn lại.

^b Loại trừ viện trợ không hoàn lại đồng tài trợ không do ADB quản lý.

Về Việt Nam và ADB

Thành viên của ADB
Gia nhập năm 1966

Cổ phần và Quyền Bỏ phiếu

Việt Nam là cổ đông đóng góp lớn thứ 21 trong số các thành viên trong khu vực và là cổ đông đóng góp lớn thứ 29 trong tổng số toàn bộ các thành viên.

Số liệu được tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2009 trước khi Hội đồng Thống đốc của ADB bỏ phiếu thông qua việc tăng vốn chung lần thứ năm. Quy trình này hiện đang được triển khai và đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 dự kiến sẽ có số liệu cuối cùng. Mức độ đóng góp hiện tại có thể tham khảo tại Ban Thư ký.

Cổ phần nắm giữ 12.076 (0,34%) Số phiếu bầu nắm giữ 25.308 (0,57%)

Jaejung Song là Giám đốc Điều hành và **Wilson Leonard F. Kamit** là Giám đốc Điều hành Phụ khuyết đại diện cho Việt Nam trong Ban Giám đốc điều hành của ADB.

Ayumi Konishi là Giám đốc Quốc gia của ADB tại Việt Nam. Cơ quan đại diện thường trú của ADB tại Việt Nam (VRM) mở cửa vào năm 1997, là đầu mối liên lạc hoạt động chủ yếu giữa ADB với Chính phủ, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự liên quan. VRM tham gia vào hoạt động đối thoại chính sách tại Việt Nam và hoạt động như một cơ sở tham khảo kiến thức về các vấn đề phát triển tại Việt Nam.

Cơ quan đầu mối của Chính phủ Việt Nam về các hoạt động liên quan đến ADB là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về Ngân hàng Phát triển Châu Á

ADB là một ngân hàng phát triển đa phương thuộc sở hữu của 67 thành viên, trong đó có 48 thành viên trong khu vực và 19 thành viên ngoài khu vực. Công cụ chính của ADB để trợ giúp các nước thành viên đang phát triển là đối thoại chính sách, các hoạt động cho vay, đầu tư cổ phần, bảo lãnh, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật (TA). Trong năm 2010, tổng giá trị các khoản cho vay là 11,46 tỷ \$ (106 dự án), các khoản hỗ trợ kỹ thuật là 175 triệu \$ (243 dự án) và các dự án viện trợ không hoàn lại là 982 triệu \$ (40 dự án). Các khoản hỗ trợ này cũng tạo thêm 3,67 tỷ \$ giá trị gia tăng trực tiếp từ các hoạt động đồng tài trợ dưới hình thức cho vay, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác khác. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến 31 tháng 12 năm 2010, trung bình mỗi năm tổng giá trị các khoản cho vay của ADB là 10,3 tỷ \$. Bên cạnh đó, trong cùng giai đoạn, các khoản hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư không hoàn lại do ADB và các nguồn quỹ đặc biệt tài trợ có tổng giá trị trung bình là 692,6 triệu \$ và 175,4 triệu \$ cho các khoản hỗ trợ kỹ thuật. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng giá trị lũy kế của các khoản cho vay không kể giá trị đồng tài trợ là 167,1 tỷ \$ cho 2.328 dự án tại 42 quốc gia, của các dự án viện trợ không hoàn lại là 4,4 tỷ \$ cho 163 dự án, của các dự án hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại là 3,15 tỷ \$, bao gồm cả các dự án hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại cho khu vực.

Liên hệ

Cơ quan đại diện thường trú của ADB tại Việt Nam

Phòng 701–706, Tòa nhà Mặt trời sông Hồng
23 Phan Chu Trinh
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3 933 1374
Fax: +84 4 3 933 1373
www.adb.org/vietnam

Trụ sở chính của ADB

6 ADB Avenue, Mandaluyong City
1550 Metro Manila, Philippines
Điện thoại: +63 2 632 4444
Fax: +63 2 636 2444
information@adb.org

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

47–49 Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3 936 3871/3 934 3364
Fax: +84 4 3 934 9569/3 825 0612
www.sbv.gov.vn

Những địa chỉ web hữu ích của ADB

Ngân hàng Phát triển Châu Á
www.adb.org

Trang web của ADB tại Việt Nam
www.adb.org/vietnam

Triển vọng Phát triển Châu Á
www.adb.org/documents/books/ado/2011/ado2011-vie.pdf

Báo cáo thường niên
www.adb.org/Documents/Reports/Annual_Report/2010/default.asp

Thư viện lưu trữ
www.adb.org/Publications/Depositories/vie.asp